

嘉南藥理大學 112 學年度第 2 學期

2024 年國際學生產學合作專班春季班申請入學

多媒體與遊戲發展系多媒體機電工程國際學生產學合作專班  
正取名單

正取 40 名(最低入取分數 75.00 分)

24130067 阮氏英書 NGUYEN THI ANH THU	24130011 武氏英 VU THI ANH	24130063 阮明達 NGUYEN MINH DAT	24130075 阮氏金銀 NGUYEN THI KIM NGAN	24130064 李玉垂 LY NGOC THUY	24130074 胡文捷 HO VAN NHANH	24130021 黎氏成 LE THI THANH	24130083 阮氏如草 NGUYEN THI NHU THAO	24130014 胡文全 HO VAN TOAN	24130066 黎黃家寶 LE HUYNH GIA BAO
24130010 鄭氏月 TRINH THI NGUYET	24130050 黃尹軒 HOANG DOAN HIEN	24130069 阮氏玉媚 NGUYEN THI NGOC MY	24130098 高美幸 CAO MY HANH	24130020 汪氏姤 VANG THI GAU	24130072 鄧玉清 DANG NGOC THANH	24130070 馮氏貞女 PHUNG THI TRINH NU	24130115 黎阮玉碧 LE NGUYEN NGOC BICH	24130008 阮英玉 NGUYEN ANH NGOC	24130065 阮懷風 NGUYEN HOAI PHONG
24130102 阮黎紅福 NGUYEN LE HONG PHUC	24130071 阮氏美賢 NGUYEN THI MY HIEN	24130025 裴春武 BUI XUAN VU	24130019 黃氏玉蘭 HOANG THI NGOC LAN	24130082 鄧福黃 DANG PHUOC HOANG	24130047 黃孝祝 VANG HIEU CHUC	24130006 黎英書 LE ANH THU	24130079 阮牆維 NGUYEN TUONG DUY	24130062 陳青山 TRAN THANH SON	24130113 黎氏翠維 LE THI THUY DUY
24130005 阮氏玄妝 NGUYEN THI HUYEN TRANG	24130033 黎公長 LE CONG TRUONG	24130068 黎氏麗娟 LE THI LE QUYEN	24130090 陳文旺 TRAN VAN VUONG	24130095 阮氏茶妹 NGUYEN THI TRA MI	24130043 鄧春欣 DANG XUAN HAN	24130087 阮氏秋瓊 NGUYEN THI CHUC QUYNH	24130029 項阿余 HANG A XA	24130003 丁氏玉 DINH THI NGOC	24130030 阮維雄 NGUYEN DUY HUNG

113年元月3日嘉藥外國產招字第11201008號



嘉南藥理大學 112 學年度第 2 學期

2024 年國際學生產學合作專班春季班申請入學

多媒體與遊戲發展系多媒體機電工程國際學生產學合作專班

備取名單

備取 15 名(最低入取分數 74.17 分)

24130001 謝文發 TA VAN PHAT	24130012 張紅鄧 TRUONG HONG DANG	24130119 陽氏蘭 DUONG THI LAN	24130009 裴文江 BUI VAN GIANG	24130081 黎黃如 LE HUYNH NHU	24130051 阮文南 NGUYEN VAN NAM	24130053 潘氏瓊妙 PHAN THI QUYNH DIEU	24130054 範文德 PHAM VAN DUC	24130091 阮文仙 NGUYEN VAN TIEN	24130056 阮氏秀娟 NGUYEN THI TU QUYEN
24130034 鄧越康 DANG VIET KHANG	24130031 梁氏金顏 LUONG THI KIM NHAN	24130078 阮黃青章 NGUYEN HUYNH THANH CHUONG	24130086 丁文雄 DINH VAN HUNG	24130076 范成富 PHAN THANH PHU					

113年九月3日嘉藥外國產招字第11201008號

